

Số: 318/2024/QĐST-HNGĐ

Sơn Dương, ngày 25 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 366/2024/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1998; HKTT: **Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang**; chỗ ở hiện nay: **Thôn M, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang**.

- Bị đơn: Anh **Nông Văn T**, sinh năm 1990; trú tại: **Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang**.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa: Chị **Trần Thị H** và anh **Nông Văn T** (Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 21/9/2018 tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang**).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị **Trần Thị H** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nông Hà M**, sinh ngày 10/6/2021.

Anh **Nông Văn T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2024 cho đến khi cháu **Nông Hà M** đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ theo tháng. Anh **Nông Văn T** có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày chị **H** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Chị **Trần Thị H** và anh **Nông Văn T** xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị **Trần Thị H** và anh **Nông Văn T** xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị **Trần Thị H** phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001379 ngày 02/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị **Trần Thị H** số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh **Nông Văn T** phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Thượng Âm, huyện SD;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Minh Khánh

